

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **219/2018/HSST**
Ngày: 10/7/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Ông Lê Văn Cao – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 197/2018/HSST ngày 11/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2018/HSST ngày 20/6/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993 tại Quảng Trị.

Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Nơi cư trú: Không xác định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 0/12 (Không biết chữ); Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Nguyễn Văn V - sinh năm 1960; Con bà: Lý Thị N - sinh năm 1964.

Gia đình có 03 anh chị em; bị cáo là con thứ ba.

Anh: Lê Ngọc N - sinh năm 1985.

Chị: Lê Thị Hồng T - sinh năm 1988.

Em: Lê Thị B - sinh năm 2000.

Chung sống như vợ chồng với Tô Thị Mỹ N, sinh năm 1985.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 198/2011/HSST ngày 07/4/2011, Tòa án nhân dân TP. B - tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2010.

Bị bắt ngày 26/3/2018 – Có mặt.

Bị hại: Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1997.

Thường trú: Khu phố B, phường T, TX. T, tỉnh Bình Dương.

Tạm trú: tổ 11, ấp T, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 22/03/2018, Nguyễn Xuân T đi bộ từ ấp T, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai về phòng trọ của bạn T tại ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Khi đi ngang qua dãy phòng thuộc tổ 11, ấp T, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện phòng trọ của chị Lê Thị Thùy L thuê ở khóa cửa ngoài nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, T nhặt 01 thanh sắt dài khoảng 30 cm ở trước dãy phòng trọ rồi đi đến phòng trọ của chị L phá khóa đột nhập vào trong thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias màu trắng biển số 61E1-565.12 chìa khóa xe vẫn cắm trên ổ khóa nên T dẫn xe mô tô trên ra ngoài rồi điều khiển xe tẩu thoát. Lúc này, chị L đang ngủ trên gác nghe tiếng xe máy nổ nên đã xuống kiểm tra thì phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo Công an xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Trên đường đi bị cáo điện thoại cho Nguyễn Văn T (bạn bị cáo) với ý định hỏi mượn tiền và nhờ T bán xe giùm thì được T hẹn gặp tại nhà nghỉ 11111 thuộc khu phố 1, phường L, T phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghe vậy, bị cáo điều khiển xe về phòng trọ của bạn T chờ chị Tô Thị Mỹ N (chung sống như vợ chồng với T) đi đến nhà nghỉ 11111 để gặp Thêm. Khi bị cáo và chị N vào đến phòng 303 của nhà nghỉ gặp T thì bị Công an phường L kiểm tra hành chính bắt giữ bị cáo cùng tang vật chuyển công an xã T, Công an xã T lập hồ sơ chuyển Công an thành phố B để điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias màu trắng biển số 61E1-565.12 đã thu hồi trao trả cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Thùy L.

+ Đối với 01 (Một) cây sắt dài khoảng 30 cm T sử dụng vào việc phạm tội. Hiện không thu giữ được do trong lúc điều khiển xe T đã làm rơi trên đường.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/TCKH-HĐĐG ngày 02/4/2018, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 (Một) xe mô tô, gắn máy nhãn hiệu Yamaha Luvias màu trắng biển số 61E1-565.12 có giá trị định giá là: 18.200.000 đồng (Mười tám triệu, hai trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự: chị Lê Thị Thùy L đã nhận lại được tài sản là 01 (Một) xe mô tô, gắn máy nhãn hiệu Yamaha Luvias màu trắng biển số 61E1-565.12 chị L không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 203/CT-VKSBH ngày 07/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân TP. B truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận do muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 23 giờ 20 phút ngày 22/3/2018, bị cáo đã có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias, biển số 60E1-565.12 có trị giá 18.200.000đ của chị Lê Thị Thùy L, sau đó khi bị cáo nhờ người bán xe thì bị kiểm tra hành chính bắt giữ xử lý.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét bị cáo không có tiền tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tài sản đã

được thu hồi trả lại cho người bị hại nên gây thiệt hại không lớn. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[7] Đối với anh Nguyễn Văn T và chị Tô Thị Mỹ N không biết chiếc xe trên do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an TP. B không xử lý hình sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T **10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2018.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP.B;
- Công an TP.B;
- THADS TP.B;
- Bị cáo – NTG;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Lan Hương